TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
NĂM HỌC 2022 – 2023

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi kiến thức cần ôn tập:

- Bài 11. Các quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á
- Bài 12. Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỷ VII đến thế kỉ X)
- Bài 13. Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X
- Bài 14. Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- Nhà nước Văn Lang được hình thành vào thế kỉ nào?
- Nước Âu Lạc ra đời trong khoảng thời gian nào?
- Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?
- Chính quyền đô hộ của người Hán được thiết lập tới tận cấp huyện từ thời kì nào?
- Năm 40, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa ở đâu?
- Tín ngưỡng truyền thống nào vẫn được người Việt duy trì trong suốt thời Bắc thuộc?
- Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, người Việt đã kế thừa hệ thống chữ viết nào?

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

- So với thời vua Hùng thì thời An Dương Vương quyền hành và tổ chức nhà nước như thế nào?
- Điểm giống nhau giữa nhà nước Văn Lang và Âu Lạc là gì?
- Phân tích đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hằng năm có ý nghĩa như thế nào?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

1. Bài tập trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Nhà nước Văn Lang được hình thành vào thời gian nào?

A. Thế kỷ thứ VII TCN
B. Thế kỷ thứ VI TCN
C. Thế kỷ thứ V TCN
D. Thế kỷ thứ IV TCN

Câu 2. Đứng đầu nhà nước Văn Lang là ai?

A. Vua Hùng
C. Kinh Dương Vương
B. An Dương Vương
D. Thục Phán

Câu 3. Ai là người chỉ huy quân ta đánh Tần?

A. Ân Dương Vương
C. Kinh Dương Vương
B. Vua Hùng Vương
D. Thục Phán

Câu 4. Đứng đầu nhà nước Âu Lạc là ai?

A. Thục Phán
C. Vua Hùng Vương
B. An Dương Vương
D. Kinh Dương Vương

Câu 5. Nước Âu Lạc ra đời trong khoảng thời gian nào?

A. Năm 208 TCN
C. Năm 210 TCN
B. Năm 209 TCN
D. Năm 211 TCN

Câu 6. Vua Hùng Vương chia đất nước thành mấy bộ?

A. 10
C. 14
B. 13
D. 15

Câu 7. Đứng đầu các bộ trong tổ chức nhà nước Văn Lang là ai?

A. Lạc Hầu
C. Bồ Chính
B. Lạc Tướng
D. Vua

Câu 8. Cư dân Lạc Việt sống tập trung ở đâu?

A. Ven đồng bằng ven sông Hồng, sông Mã, sông Cả
B. Ven đồi núi
C. Trong thung lũng
D. Ở trong rừng rậm

Câu 9. Nhân dân ta xây dựng Lăng Vua Hùng để tưởng nhớ ai?

A. Âu cơ
C. Lạc Long Quân
B. Mị Nương
D. Các Vua Hùng

Câu 10. Vì sao nhân dân ta lại tưởng nhớ các Vua Hùng?

A. Vua Hùng đã có công dựng nước
B. Vua Hùng đã có công sáng lập ra nghề đúc đồng
C. Vua Hùng đã có công sáng lập ra nghề trồng lúa nước
D. Vua Hùng đã có công sáng lập ra nghề luyện kim

Câu 11. Vũ khí lợi hại nhất của quân Âu Lạc là

A. đao, kiếm.
C. giáo mác, kiếm.
B. cung tên, gậy.
D. cung nỏ.

Câu 12. Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ra đời đã

A. mở ra thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc.
B. mở đầu thời Bắc thuộc.
C. đưa nước ta bước sang thời phong kiến.
D. hình thành nền văn minh Đại Việt.

Câu 13. Sau khi đánh thắng quân Tần, hai vùng đất của người Âu Việt và Lạc Việt hợp thành một nước mới có tên là

A. Văn Lang
C. Âu Lạc
B. Đại Việt
D. Đại Cồ Việt

Câu 14. Thục Phán tự xưng là An Dương Vương tổ chức lại nhà nước, đóng đô ở đâu?

A. Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ).
B. Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).
C. Phú Xuân (Huế).
D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 15. So với thời vua Hùng thì thời An Dương Vương quyền hành và tổ chức nhà nước như thế nào?

A. Quyền hành ngang nhau và bộ máy nhà nước như nhau
B. Quyền hành cao hơn, bộ máy nhà nước như nhau
C. Quyền hành cao hơn, bộ máy nhà nước chặt chẽ hơn
D. Quyền hành như nhau, bộ máy nhà nước chặt chẽ hơn

Câu 16. Thời kì An Dương Vương gắn với câu chuyện sự tích nổi tiếng nào trong lịch sử dân tộc?

A. Bánh chưng – bánh giầy
B. Mị Châu – Trọng Thủy
C. Thánh Gióng.
D. Âu Cơ – Lạc Long Quân

Câu 17. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

A. sản xuất thủ công nghiệp.
B. trao đổi, buôn bán qua đường biển.
C. sản xuất nông nghiệp.
D. trao đổi, buôn bán qua đường bộ.

Câu 18. Về mặt tín ngưỡng, cư dân Văn Lang – Âu Lạc có tục

A. thờ cúng tổ tiên.
C. ướp xác.
B. thờ thần – vua.
D. thờ phụng Chúa Giê-su.

Câu 19. Nhà nước Âu Lạc ra đời trên cơ sở thắng lợi từ cuộc kháng chiến

A. chống quân Hán xâm lược của nhân dân huyện Tượng Lâm.
B. chống quân Tần xâm lược của người Âu Việt và Lạc Việt.
C. chống quân Nam Hán xâm lược của người Việt.
D. chống quân Đường xâm lược của người Việt.

Câu 20. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng phong tục, tập quán của người Việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?

A. Xăm mình.
C. Nhuộm răng đen.

B. Làm bánh chưng, bánh giầy. D. Tục thờ thần – vua.

Câu 21. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng đời sống vật chất của người việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?

A. Cư dân chủ yếu ở nhà sàn, dựng bằng tre, nứa, gỗ…

B. Thức ăn chính là: lúa mì, lúa mạch, thịt bò, rượu vang.

C. Để tóc ngang vai, búi tó hoặc tết tóc kiểu đuôi sam.

D. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là: ghe, thuyền.

Câu 22. Nội dung nào sau đây *không* đúng về nước Văn Lang?

A. Tổ chức nhà nước còn sơ khai.

B. Đã có luật pháp thành văn và chữ viết.

C. Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

D. Chưa có quân đội, luật pháp.

Câu 23. Điểm giống nhau giữa nhà nước Văn Lang và Âu Lạc là gì?

A. Tổ chức bộ máy nhà nước.

B. Quân đội được tổ chức quy củ.

C. Có vũ khí tốt (nỏ Liên Châu).

D. Nhà nước đã có luật pháp thành văn.

Câu 24. Nội dung nào dưới đây *không* phải là tín ngưỡng bản địa của cư dân Đông Nam Á?

A. Tín ngưỡng phồn thực. C. Tục thờ cúng tổ tiên.

B. Thờ phụng Chúa Trời. D. Tục cầu mưa.

Câu 25. Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, người Việt đã kế thừa hệ thống chữ viết nào dưới đây?

A. Chữ Phạn. C. Chữ La-tinh.

B. Chữ Pa-li. D. Chữ Hán.

2. Bài tập tự luận

Câu 1: Phân tích đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang?

Câu 2: Những bằng chứng nào chứng tỏ chữ viết, văn học Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc?

Câu hỏi vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế:

Câu 3: Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hằng năm có ý nghĩa như thế nào?

Câu 4: Sưu tầm những câu thành ngữ, tục ngữ của người Việt liên quan đến lúa, gạo.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập: Từ bài 15 đến bài 18

- Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió.
- Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa.
- Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu.
- Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- ***Hãy ghi chú cho hình sau đây:***

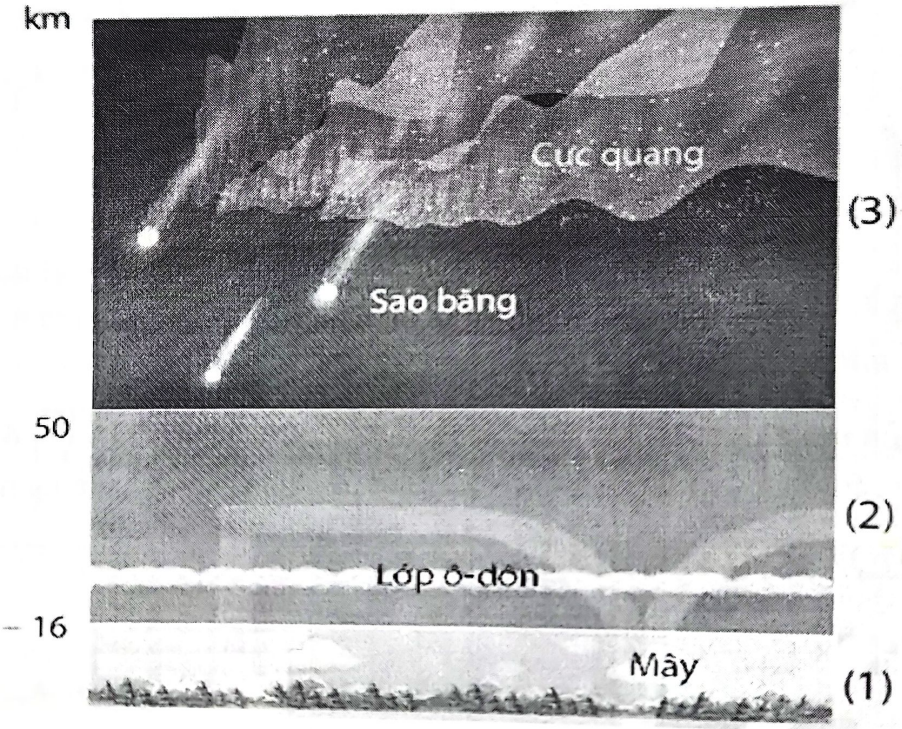

(1)……..
(2)……..
(3)……..

- **Quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa.**

- Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào?
- Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây?
- Khi nào mây tạo thành mưa?

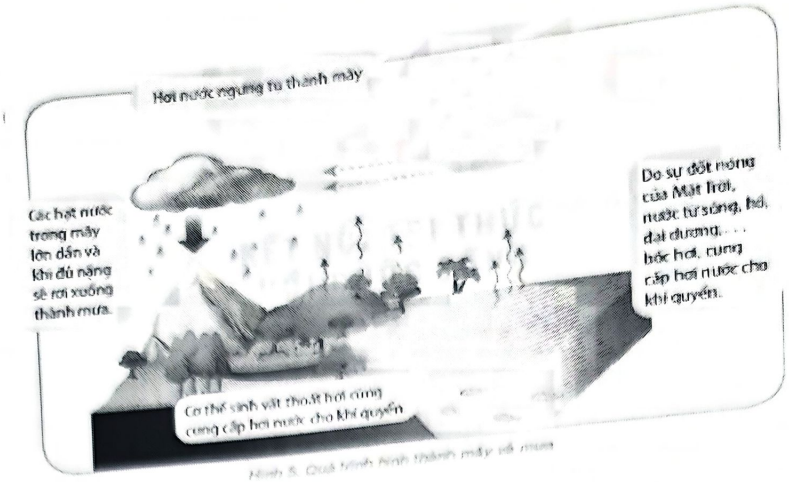

Hình 5. Quá trình hình thành mây và mưa

- **Hãy xác định trên bản đồ hình 6:**

- Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm.
- Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm.

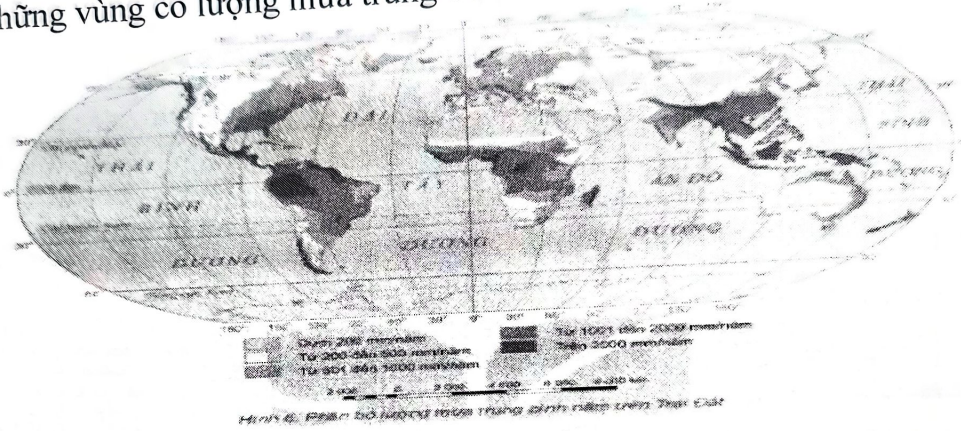

Hình 6. Bản đồ lượng mưa trung bình năm trên Thế Giới

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:

Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến những hậu quả gì?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

1. Bài tập trắc nghiệm

Em hãy chọn phương án đúng nhất và khoanh vào chữ cái tương ứng trong câu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Tầng đối lưu có độ cao trung bình khoảng

A. 18km.

B. 14km.

C. 16km

D. 20km.

Câu 2. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất thường ở vùng

A. chí tuyến.

B. ôn đới.

C. xích đạo.

D. cận cực.

Câu 3. Trong các thành phần của không khí chiếm tỉ trọng lớn nhất là

A. khí nitơ.

B. khí cacbonic.

C. oxi.

D. hơi nước.

Câu 4. Khối khí lạnh hình thành ở vùng nào sau đây?

A. Vùng vĩ độ thấp.

B. Vùng vĩ độ cao.

C. Biển và đại dương.

D. Đất liền và núi.

Câu 5. Dựa vào đặc tính của lớp khí, người ta chia khí quyển thành mấy tầng?

A. 3 tầng.

B. 4 tầng.

C. 2 tầng.

D. 5 tầng.

Câu 6. Trên Trái Đất **không** có khối khí nào sau đây?

A. Khối khí lục địa.

B. Khối khí đại dương.

C. Khối khí nguội.

D. Khối khí nóng.

Câu 7. Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ không khí càng

A. tăng.

B. không đổi.

C. giảm.

D. biến động.

Câu 8. Khi không khí đã bão hòa mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước thì

A. hình thành độ ẩm tuyệt đối.

B. tạo thành các đám mây.

C. sẽ diễn ra hiện tượng mưa.

D. diễn ra sự ngưng tụ.

Câu 9. Nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là

A. con người đốt nóng.

B. ánh sáng từ Mặt Trời.

C. các hoạt động công nghiệp.

D. sự đốt nóng của Sao Hỏa.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu vùng Xích đạo có mưa nhiều nhất trên thế giới là do

A. dòng biển nóng, áp cao chí tuyến.

B. nhiệt độ thấp, độ ẩm và đại dương.

C. nhiệt độ cao, áp thấp xích đạo.

D. áp thấp ôn đới, độ ẩm và dòng biển.

Câu 11. Nhận định nào sau đây đúng về sự phân bố lượng mưa không đều trên Trái Đất theo vĩ độ?

A. Mưa nhiều ở cực và cận cực; mưa nhỏ ở vùng nhiệt đới và xích đạo.

B. Mưa nhất nhiều ở ôn đới; mưa ít ở vùng cận xích đạo, cực và cận cực.

C. Mưa rất lớn ở vùng nhiệt đới; không có mưa ở vùng cực và cận cực.

D. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

Câu 12. Giả sử có một ngày ở thành phố Y, người ta đo được nhiệt độ lúc 1 giờ được 17^0C, lúc 5 giờ được 26^0C, lúc 13 giờ được 37^0C và lúc 19 giờ được 32^0C. Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu?

A. 26^0C.

B. 29^0C.

C. 27^0C.

D. 28^0C.

Câu 13. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đới ôn hòa?

A. 4.

B. 5.

C. 2.

D. 3.

Câu 14. Khí hậu là hiện tượng khí tượng

A. xảy ra trong một thời gian ngắn ở một nơi.

B. lặp đi lặp lại tình hình của thời tiết ở nơi đó.

C. xảy ra trong một ngày ở một địa phương.

D. xảy ra khắp mọi nơi và thay đổi theo mùa.

Câu 15. Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu?

A. 5.

B. 6.

C. 3.

D. 4.

Câu 16. Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ

A. Ôn đới.

B. Xích đạo.

C. Hàn đới.

D. Nhiệt đới.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây *không* đúng với khí hậu đới nóng?

A. Góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời rất nhỏ.

B. Lượng mưa trung bình từ 1000 - 2000 mm.

C. Gió Tín phong thổi thường xuyên quanh năm.

D. Nắng nóng quanh năm và nền nhiệt độ cao.

Câu 18. Thời tiết là hiện tượng khí tượng xảy ra

A. trong một thời gian ngắn nhất định ở một nơi.

B. lặp đi lặp lại các hiện tượng, khí tượng tự nhiên.

C. trong một thời gian dài ở một nơi nhất định.

D. khắp mọi nơi và không thay đổi theo thời gian.

Câu 19. Các mùa trong năm thể hiện rất rõ là đặc điểm của đới khí hậu nào?

A. Nhiệt đới.

B. Cận nhiệt đới.

C. Ôn đới.

D. Hàn đới.

Câu 20. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

A. Tây ôn đới.

B. Gió mùa.

C. Tín phong.

D. Đông cực.

Câu 21. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

A. Cận nhiệt.

B. Nhiệt đới.

C. Cận nhiệt đới.

D. Hàn đới.

Câu 22. Biến đổi khí hậu là những thay đổi của

A. sinh vật.

B. sông ngòi.

C. khí hậu.

D. địa hình.

Câu 23. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

Câu 24. Biểu hiện chủ yếu của biến đổi khí hậu là

A. nhiệt độ Trái Đất tăng.

B. số lượng sinh vật tăng.

C. mực nước ở sông tăng.

D. dân số ngày càng tăng.

Câu 25. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh?

A. Tín phong.

B. Đông cực.

C. Tây ôn đới.

D. Gió mùa.

Câu 26. Biến đổi khí hậu là do tác động của

A. các thiên thạch rơi xuống.

B. các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.

C. các thiên tai trong tự nhiên.

D. các hoạt động của con người.

Câu 27. Lượng mưa trung bình năm trên 2000mm là đặc điểm của đới khí hậu nào sau đây?

A. Cận nhiệt.

B. Hàn đới.

C. Nhiệt đới.

D. Ôn đới.

Câu 28. Nguồn cung cấp hơi nước chính cho khí quyển là

A. sinh vật.

B. biển và đại dương.

C. sông ngòi.

D. ao, hồ.

2. Bài tập tự luận

Câu 1: Hãy ghi chú cho hình sau đây

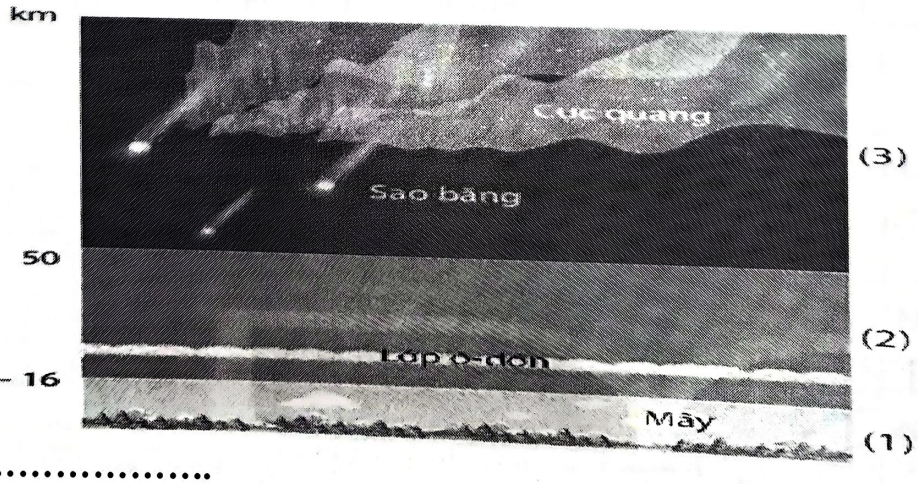

(1)……

(2)……

(3)……

Câu 2. Quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa.

Gợi ý:

- Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào?
- Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây?
- Khi nào mây tạo thành mưa?

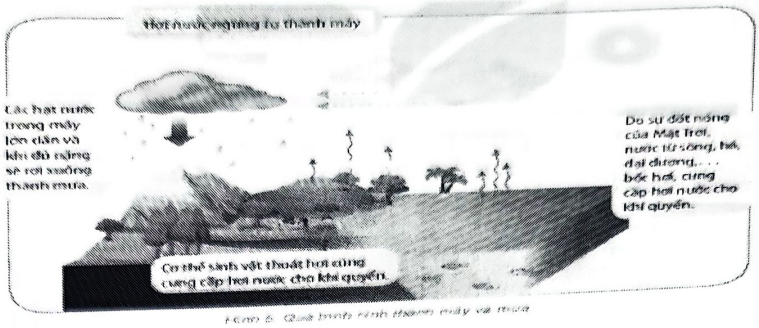

Hình 5. Quá trình hình thành mây và mưa

Câu 3. Hãy xác định trên bản đồ hình 6:

- Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm.
- Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm.

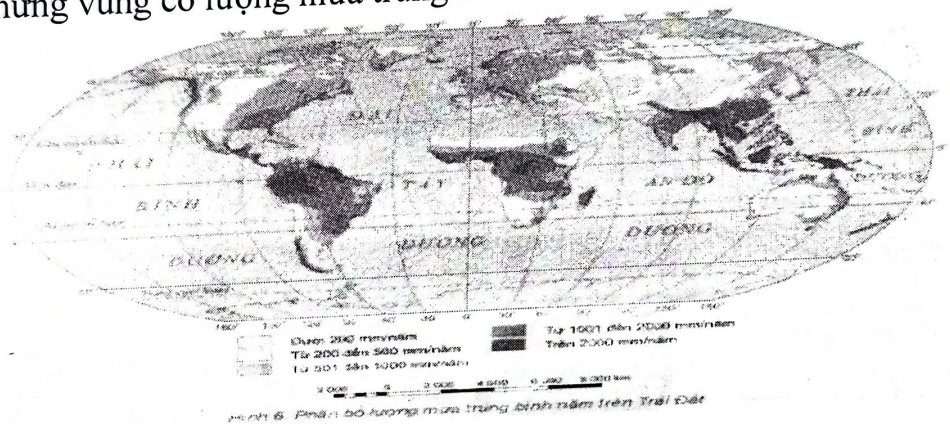

Hình 6. Bản đồ lượng mưa trung bình năm trên Trái Đất

*** Câu hỏi vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế:**

Câu 4: Ở Việt Nam có những hiện tượng mưa nào mà em biết? Giải thích nguyên nhân hình thành.

Câu 5: Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến khí hậu Việt Nam như thế nào?

Long Biên, Ngày 14 tháng 02 năm 2023

Người lập	NHÓM TRƯỞNG	KT.HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Giang Trần Kiều Trang	Phạm Thị Hương	Cao Thị Phương Anh